

Số: 2331/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 30/TTr- STP ngày 03 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ danh mục, nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, chỉ đạo xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Cục KSTTHC, Văn phòng CP; } báo
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; } cáo
- CT, PCT UBND tỉnh;
- V0, V2, NC, KSTT;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Bưu điện tỉnh, T. tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KSTT2.

**K.T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Nhận hồ sơ	Trả kết quả
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (3)						
I	Lĩnh vực Luật sư (2)						
1	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư	- Sở Tư pháp và Sở Nội vụ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Đoàn luật sư. - UBND tỉnh: 13 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của Liên đoàn luật sư Việt Nam và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long)	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư. - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư	Có	Không
2	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội.		Không		Có	Không



II	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (1)						
1	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (tầng 3 Sở Tư pháp, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long) - Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	Có	Không

* Nội dung Thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2434/QĐ-BTP ngày 26/9/2018 ; 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên thủ tục hành chính*	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
						Nhận hồ sơ	Trả kết quả
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (4)						
I	Lĩnh vực Trọng tài thương mại (3)						
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Tầng 1 tòa nhà Liên cơ quan số 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long)	1.500.0000 đồng/trường hợp	Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại	Có	Không
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	10 ngày làm việc		1.000.0000 đồng/trường hợp		Có	Không
3	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	09 ngày làm việc		5.000.000 đồng/trường hợp		Có	Không
II	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (1)						
1	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	02 ngày làm việc	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (tầng 3 Sở Tư pháp, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long) - Tổ chức tham	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	Có	Có



			gia Trợ giúp pháp lý.				
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (1)						
I	Lĩnh vực Nuôi con nuôi (1)						
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày, trong đó: - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn	Ủy ban nhân dân cấp xã	- 400.000đ/ trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động	Không	Không



		thay đổi ý kiến đồng ý			của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.		
--	--	------------------------	--	--	--	--	--

* Nội dung Thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2434/QĐ-0-BTP ngày 26/9/2018; Quyết định 614/QĐ-BTP ngày 18/3/2019; Quyết định số 1008/QĐ-BTP ngày 24/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.



Phụ lục III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2331 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế *	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích	
								Nhận hồ sơ	Trả kết quả
	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02)								
	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý (2)								
1	BTP-QNH-277439	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (tầng 3 Sở Tư pháp, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long) - Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	Có	Không

2	 BTP- QNH- 277444	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Người đứng đầu tổ chức thực hiện Trợ giúp pháp lý: 03 ngày - Giám đốc Sở Tư pháp: 14 ngày	- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; - Sở Tư pháp (phó Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long)	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.	Có	Có
---	---	--	--	--	--	-------	---	----	----

** Nội dung Thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 2434/QĐ0-BTP ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*



Phụ lục IV

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (5)				
Lĩnh vực Luật sư (5)				
1	T-QNH- 288184- TT	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
2	T-QNH- 288185- TT	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
3	T-QNH- 288186- TT	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
4	T-QNH- 288187- TT	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
5	T-QNH- 288188- TT	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	Quyết định số 537/QĐ-BTP ngày 05/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	